TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 375/2019/LĐ-PT
Ngày: 24-4-2019
V/v Tranh chấp tiền lương.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Liên

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Sang

Bà Võ Thị Kim Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Tiến Thịnh, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24/4/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh số 131 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Nghé, Quận 1 xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số /2018/TLPT-LĐ ngày về vệc " Tranh chấp tiền lương" .

Do bản án lao động sơ thẩm số 09/2018/LĐ-ST ngày 02/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1577/QĐ-PT ngày 02/4/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông H, sinh năm 1970
Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

-*Bị đơn*: Công ty T
Trụ sở: Đường A1, Phường B1, Quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

1. Ông N, sinh năm 1955. Địa chỉ: Đường A2, Phường B2, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông C, sinh năm 1979. Địa chỉ: Đường A3, Phường B3, Quận C3, Thành phố Hồ Chí Minh

Văn bản ủy quyền đề ngày 02/10/2018 của Công ty T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Đ, sinh năm 1961 – Luật sư Văn Phòng Luật sư Đ thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 04/5/2016 ông H được bổ nhiệm vào làm việc tại Công ty T với chức danh Phó Tổng giám đốc thường trực với mức lương hàng tháng là 58.000.000 đồng theo thư mời làm việc và phụ lục phụ cấp thu hút. Đến hết tháng 9/2016 ông và Công ty chấm dứt quan hệ lao động, ông không còn làm việc cho Công ty T.

Đến ngày 02/10/2017, theo đề nghị của phía Công ty, ông trở lại làm việc cho Công ty theo Quyết định số 03/QĐ-HĐQT bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc thường trực và Quyết định số 08/QĐ-HĐQT ngày 23/10/2017 về phân công công việc. Mức lương theo thỏa thuận như sau:

- Lương hợp đồng để đóng BHXH và Y tế: 25.000.000 đồng/tháng

- Lương phụ cấp công việc (khoán ngoài): 35.000.000 đồng/tháng

Tổng thu nhập hàng tháng: 60.000.000 đồng/tháng.

Sau khi hết tháng 10/2017, ông có hỏi và đề nghị thanh toán tiền lương tháng 10/2017 nhưng được người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đức Thọ - Tổng Giám đốc hẹn đi hẹn lại nhiều lần. Vì tin tưởng nên ông vẫn làm việc bình thường cho đến hết tháng 11/2017 thì Công ty vẫn không trả lương cho ông. Để đảm bảo đời sống và thu nhập cho gia đình nên ông đã xin nghỉ việc từ ngày 01/12/2017. Khi nghỉ việc ông có Bảng báo cáo đánh giá công việc đã thực hiện và Bản bàn giao công việc cho ông Nguyễn Đức Thọ - Tổng giám đốc Công ty. Đồng thời, ông đã đề nghị nhiều lần để ông Thọ đại diện Công ty thanh toán tiền lương cho ông nhưng ông Thọ vẫn hứa và không thực hiện lời hứa của mình. Do bức xúc về việc Công ty vi phạm nghĩa vụ trả lương cho ông nên ông và một số nhân viên khác có đơn khiếu nại tại Phòng lao động thương binh và xã hội Quận 4 để được giải quyết về tiền lương và tố cáo Công ty vi phạm nghĩa vụ về đăng ký bảng lương đến Sở lao động thương binh và xã hội Quận 4. Qua hòa giải cơ sở, phía công ty vẫn không đồng ý trả lương cho ông. Do đó, ông yêu cầu Công ty T phải có trách nhiệm thanh toán cho ông hai tháng tiền lương còn thiếu, cụ thể tiền lương của 02 tháng làm việc như sau:

- Tháng 10/2017: 60.000.000 đồng

- Tháng 11/2017: 60.000.000 đồng

Tổng tiền còn nợ lương: 120.000.000 đồng

Ngoài ra, ông tự nguyện không yêu cầu Công ty phải giải quyết các chế độ chính sách cho ông khi quan hệ lao động của hai bên chấm dứt.

Tại biên bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của Công ty xác định không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H vì giữa Công ty T và ông H không ký kết hợp đồng lao động; hai bên có sự thỏa thuận về việc hợp tác kinh doanh nhưng do thời gian hợp tác giữa hai bên ngắn nên không lập thành văn bản. Theo đó, ông H và Công ty T thỏa thuận dựa theo tỷ lệ 30%-70% tức Công ty sẽ nhận 70%, ông H nhận 30% tổng doanh thu mà ông H mang về cho Công ty. Nhưng trong suốt thời gian làm việc cho Công ty, ông H không mang về cho Công ty bất kỳ doanh thu, lợi nhuận nào. Không những thế, ông H còn lợi dụng

danh nghĩa uy tín của Công ty để lôi kéo khách về công ty riêng của mình là Công ty K gây nhiều tổn thất cho Công ty T. Theo quy định của Công ty thì bắt buộc các đơn vị, cá nhân làm việc cho Công ty phải báo cáo đánh giá chất lượng công việc để có cơ sở trả lương hoặc phân chia lợi nhuận vì lương hay lợi nhuận phân chia được đánh giá trên hiệu quả kinh doanh nhưng ông H đã không thực hiện, không có bất kỳ doanh thu nào mang về cho Công ty nên Công ty không có cơ sở để trả lương hay lợi nhuận cho ông H. Mặt khác, ông H đã vi phạm bí mật kinh doanh của Công ty, lôi kéo khách hàng, lôi kéo nhân viên về Công ty riêng của mình và gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Công ty.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ phía bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, phía Công ty bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc Tòa án thụ lý vụ án vá quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung của vụ án, căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của các đương sự và diễn biến tại phiên tòa có căn cứ xác định giữa ông H và Công ty T có xác lập quan hệ lao động. Thời gian làm việc của ông H tính từ ngày 01/10/2017 đến 01/12/2017 là 02 tháng. Về mức lương các bên thỏa thuận: Theo Quyết định bổ nhiệm và phân công nhiệm vụ cho ông H thể hiện ông H được nhận mức lương theo quy định của Điều lệ Công ty, tuy nhiên phía Công ty không cung cấp tài liệu chứng cứ nào để chứng minh hai bên không phải là quan hệ lao động cũng như không cung cấp cho Tòa án bất kỳ bảng lương nào của Công ty. Do đó, cần chấp nhận lời khai của ông H về mức lương ông H trình bày trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo đó là 60.000.000 đồng/tháng để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc Công ty T có trách nhiệm thanh toán hai tháng tiền lương còn thiếu (lương tháng 10 và tháng 11) cho ông H, tổng cộng số tiền là 120.000.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông H không yêu cầu các chế độ chính sách cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 09/2018/DSST ngày 02/11/2018 Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ vào Điều 15, 16, 17, 22, 23, 25, 30, 37, 90, 91, 92, 93 , 94, 95, 96, 97, 98 Bộ luật lao động;

- Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Buộc Công ty T có trách nhiệm thanh toán cho ông H tiền lương còn thiếu (lương tháng 10 và tháng 11/2017) với tổng số tiền là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty T không thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng Công ty T còn phải trả tiền lãi cho ông H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông H không yêu cầu các chế độ chính sách cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động.

2. Về án phí LĐST: Án phí lao động sơ thẩm là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Công ty T phải nộp số tiền án phí LĐST số tiền là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

3. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của hai bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/11/2018 Công ty T nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, lý do Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét các chứng cứ một cách toàn diện và khách quan, Tòa án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Quyết định của bản án xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn nên đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Luật sư Đ trình bày: Nguyên đơn cho là công ty áp dụng hợp đồng lao động của năm 2016 cho thời gian làm việc của ông H từ tháng 10/2107 đến tháng 12/2017 là không đúng , lúc này không có hợp đồng lao động, không có căn cứ cho là mức lương 60 triệu/tháng mà chỉ là quan hệ hợp tác lao động, hợp tác chưa mang lại lợi nhuận gì nên không phải chia lãi.

Còn quyết định bãi nhiệm ban hành sau một ngày khi công ty ban hành quyết định bổ nhiệm là do có sự can thiệp của công ty cũ ông H về hồ sơ nghỉ việc chưa hoàn tất nên công ty ban hành quyết định bãi nhiệm.

Do Tòa sơ thẩm áp dụng điều luật không phù hợp với vụ án và biên bản nghị án với bản án phát hành áp dụng luật lúc ghi 2005, lúc ghi 2015; vì có sai sót nhiều nên đề nghị hủy án sơ thẩm.

Nguyên đơn ông H yêu cầu giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quá trình tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn nộp đúng hạn luật định nên hợp lệ. Về nội dung: Căn cứ quyết định số 03 ngày 02/10/2017 và

quyết định sô 08 ngày 23/10/2017 có cơ sở xác định ông H là người lao động của công ty mặc dù hai bên chưa ký hợp đồng lao động nhưng ông H đã làm việc tại công ty được 2 tháng cho nên công ty phải thanh toán 2 tháng tiền lương cho ông H là 120.000.000đ. Về án phí án sơ thẩm tính sai nên cần phải sửa lại phần này. Cho nên đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của Công ty T nộp trong thời hạn luật định, thực hiện theo đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và nộp tạm ứng án phí đúng thời hạn quy định nên được chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn - ông H có đơn khởi kiện Công ty T để yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty T phải thanh toán cho ông 02 tháng tiền lương còn thiếu, tổng số tiền là 120.000.000 đồng và không yêu cầu các chế độ chính sách cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động.

Phía Công ty không đồng ý thanh toán và cho rằng hai bên không phải là quan hệ lao động mà là quan hệ hợp tác làm ăn, tuy nhiên lại không cung cấp được bất kỳ tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh lời khai của mình là có căn cứ và hợp pháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm công ty cung cấp một quyết định miễn nhiệm ông H giữ chức vụ phó tổng giám đốc bằng quyết định số 07/QĐ-HĐQT ngày 03/7/2017. Theo ông H khai ông không hề biết quyết định này, ông không được công ty giao cho. Phía công ty không cung cấp được biên bản giao quyết định miễn nhiệm cho ông H cho nên quyết định này không có giá trị đối với ông H.

Căn cứ vào Quyết định số 03/QĐ-HĐQT bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc thường trực và Quyết định số 08/QĐ-HĐQT ngày 23/10/2017 về phân công công việc, có cơ sở khẳng định giữa Công ty và ông H đã xác lập quan hệ lao động và ông H đã làm việc tại công ty từ 01/10/2017 đến 01/12/2017 thì không làm việc nữa và có ra thông báo cho phía Công ty biết trước khi nghỉ.

Theo nội dung các quyết định nêu trên ông H được hưởng mức lương và phụ cấp theo Điều lệ Công ty, tuy nhiên quá trình thu thập chứng cứ, mặc dù đã được thông báo yêu cầu bổ sung tài liệu chứng cứ nhưng phía Công ty đã không cung cấp bất kỳ bảng lương nào cho Tòa án, đồng thời tại Kết luận của Thanh tra Sở lao động thương binh và xã hội Quận 4 thể hiện Công ty bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ đăng ký bảng lương tại Phòng lao động thương binh và xã hội Quận 4, do đó, cần căn cứ vào lời khai của ông H là người lao động cũng như mức lương ông H đã nhận năm 2016 để chấp nhận mức lương các bên thỏa thuận khi mời ông H trở lại làm việc vào tháng 10/2017 là với tổng số tiền lương là 60.000.000 đồng/ tháng. Do đó án sơ thẩm căn cứ các Điều 90, 91, 93,

94, 95, 96 Bộ luật lao động, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H buộc Công ty T có trách nhiệm thanh toán cho ông H tiền lương của hai tháng còn thiếu tháng 10 và tháng 11/2017, số tiền là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) là có căn cứ nghĩ nên giữ nguyên phần này.

Về điều luật áp dụng: Án sơ thẩm tuyên dư nhiều điều luật nên cần bỏ bớt. Trong bản án chính, biên bản nghị án và bản án phát hành có ghi không trùng khớp lúc ghi áp dụng Điều 468 bộ luật dân sự năm 2005 lúc ghi 2015 nhưng không ban hành quyết định đính chính. Hội đồng xét xử sơ thẩm nên chú ý khắc phục, do là sai sót nhỏ nên không cần hủy án như luật sư bên bị đơn đề nghị.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án; Công ty T phải nộp số tiền án phí lao động sơ thẩm là 120.000.0000 đồng x 3% = 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm ngàn đồng). Án sơ thẩm tính nhầm là 6.000.000 đồng nên cần phải sửa lại phần này của án sơ thẩm.

Về án phí lao động phúc thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn nên bị đơn không phải chịu tiền án phí phúc thẩm, hoàn lại cho bị đơn số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 15, 16, 17, 22, 25, 30, 37, 90, 91, 93, 94, 95, 96 Bộ luật Lao động;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty T .

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H.

- Buộc Công ty T có trách nhiệm thanh toán cho ông H tiền lương còn thiếu (lương tháng 10 và tháng 11/2017) với tổng số tiền là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty T không thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng Công ty T còn phải trả cho ông H tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông H không yêu cầu Công ty T giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

2. Về án phí lao động sơ thẩm là 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm ngàn đồng) Công ty T phải nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về án phí lao động phúc thẩm: Công ty T không phải nộp. Công ty được hoàn lại 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009676 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao (Tại Tp.HCM);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao (Tại Tp.HCM);
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Thi hành án dân sự Quận 4;
- Tòa án nhân dân Quận 4;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Liên